

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21A/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2025

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, Ông Vũ Huy Hiệp.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **NgU đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985.

Số CCCD: 030185020332

Nơi thường trú: thôn X, xã A, huyện G, tỉnh H (Nay là thôn X, xã V, thành phố P).

(Chị M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn** (theo Giấy uỷ quyền ngày 14/7/2025, chứng thực số 315 tại UBND xã V, thành phố P).

Anh Phạm Thái Sơn, sinh năm 2003; Số CCCD: 030203006708

Nơi thường trú: Bình Lộc, Tân Bình, thành phố H, tỉnh H (nay là: Số 56C, ngõ 245, phố Bình Lộc, phường Lê Thanh Nghị, thành phố P).

(Anh Sơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Triệu Văn U, sinh năm 1983.

Số CCCD: 008083005076

Nơi thường trú: thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Q (Nay là thôn T, xã N, tỉnh Q).

Chỗ ở: Số 4/15, tổ 3, khu phố 5, phường B, tỉnh Đ.

(Anh U vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc với Toà án, ngU đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn U được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện G, tỉnh H (nay là xã V, thành phố P) ngày 27/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn chung sống ở

tỉnh Bình Dương được khoảng gần 2 năm thì chị sinh con. Do con sinh non yếu nên vợ chồng bàn bạc thống nhất chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Trịnh XU, xã A, huyện G (nay là thôn Trịnh XU, xã V, thành phố P) làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. NgU nhân là do anh U không chịu làm ăn, uống rượu về đánh chửi vợ. Bản thân chị và gia đình đã khU bảo anh U nhiều lần nhưng anh không tiếp thu, không thay đổi. Sau đó, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không có biện pháp khắc phục. Đến khoảng năm 2016, anh U chuyển vào tỉnh Đ làm ăn, còn chị ở lại sống cùng nhà với bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm nhau. Trong suốt gần 09 năm ly thân, anh U không quan tâm chị, không chu cấp cho con, cũng không có biện pháp nào để gia đình hàn gắn đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Triệu Văn U.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Triệu Trung Hiếu, sinh ngày 09/9/2010. Thời gian vợ chồng ly thân đến nay, cháu Hiếu ở với chị. Ly hôn, chị xin tiếp tục được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân bao bì ở gần nhà, thu nhập hàng tháng được khoảng 10 triệu đồng. Mẹ con chị hiện đã có cuộc sống ổn định, có nhà ở riêng xây trên đất của bố mẹ đẻ chị cho.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Triệu Văn U trình bày:

Anh đồng ý lựa chọn Toà án nhân dân Khu vực 13- P là Toà án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M (theo Văn bản đồng ý lựa chọn Toà án có thẩm quyền giải quyết ly hôn ngày 04/7/2025, được chứng thực tại Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Thuý, tỉnh Đ, số chứng thực 3604, quyền số 01 ngày 04/7/2025).

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị M trình bày. Vợ chồng chung sống vui vẻ đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. NgU nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong việc tổ chức cuộc sống chung, thường xU xảy ra cãi vã bất hoà, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Năm 2016, anh không chung sống cùng chị M tại nhà bố mẹ chị M nữa mà chuyển vào Đ làm ăn, vợ chồng ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi không quan tâm nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị M trình bày là đúng. Từ khi anh và chị M ly thân, cháu Hiếu ở cùng với mẹ tại thôn Trịnh XU, xã A, huyện G, tỉnh H (nay là thôn Trịnh XU, xã Vĩnh Lãi, thành phố P). Ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Toà án giao cháu Triệu Trung Hiếu cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Triệu Văn U.

- Về con chung: Giao con chung Triệu Trung Hiếu, sinh ngày 09/9/2010 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M tự nguyện không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Triệu Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0002268 ngày 24/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn anh Triệu Văn U có nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã N, tỉnh TU Quang; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số 4/15, tổ 3, khu phố 5, phường B, tỉnh Đ; ngU đơn chị Nguyễn Thị M đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Trịn XU, xã V, thành phố P. Ngày 04/7/2025, anh Triệu Văn U có văn bản đồng ý lựa chọn Toà án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn (Văn bản được chứng thực tại Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Thuý, tỉnh Đ). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] NgU đơn chị Nguyễn Thị M, người đại diện theo uỷ quyền của chị M và bị đơn anh Triệu Văn U đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Triệu Văn U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện G, tỉnh H (nay là UBND xã V, thành phố P) ngày 27/6/2012, nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh U là hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của chị M, anh U và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất được cách tổ chức cuộc sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng cãi nhau dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay là 09 năm, không quan tâm nhau, không còn cùng nhau vun đắp và xây dựng cuộc sống gia đình. Suốt một thời gian dài ly thân, anh chị không gặp gỡ nhau để tìm biện pháp hàn gắn. Chị M xin ly hôn, anh U đồng ý và lựa chọn Tòa án nhân dân Khu vực 13- P là cơ quan giải quyết vụ án ly hôn của anh chị. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị M được ly hôn anh U là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Triệu Trung Hiếu, sinh ngày 09/9/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Hiếu ở với chị M. Xét thấy lời khai của chị M, anh U đều thống nhất để cho chị M tiếp tục nuôi con, chị M tự nguyện không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung, anh U đồng ý. Cháu Hiếu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ. Do vậy, HĐXX giao cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung Triệu Trung Hiếu đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của anh chị và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Triệu Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Trung Hiếu, sinh ngày 09/9/2010 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M tự nguyện không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Triệu Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0002268 ngày 24/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 13- P;
- THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã V, TP P (Giấy CNKH số 34/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn